

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BẮC TỪ LIÊM  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số **211/2020/HSST**

Ngày 25/8/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Thanh Loan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tạo Giáp; Ông Nguyễn Mạnh Hùng

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Ông Đỗ Kỳ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 205/2020/TLST-HS, ngày 13/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2020/QĐ-TA ngày 13/8/2020 đối với bị cáo:

**Họ tên: Phạm Văn A, sinh năm 1989 tại Hà Nội;** Giới tính: Nam; Nơi đăng ký HKTT: Số 1, ngách 1/1, Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ và tên cha: Phạm M, sinh năm 1958; Hưu trí; Họ và tên mẹ: Vũ Thị P, sinh năm 1962; Hưu trí; Họ và tên vợ: Nguyễn T (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị giam giữ từ ngày 26/02/2020; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

**Người bị hại**

- Chị Trần Thị TH; sinh năm 1997; Địa chỉ: P1, tòa nhà 1, khu đô thị HR, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa;

- Chị Đinh TA; sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 1, đường N, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Bị cáo Phạm Văn A có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị H từ đầu năm 2019. Qua chị H, bị cáo quen biết anh Đinh Đ. Giữa tháng 02 năm 2020, bị cáo nói với anh Đ có khẩu trang bán nên anh Đ đã giới thiệu chị Trần Thị TH và chị Đinh TA gặp bị cáo để hỏi về khẩu trang kháng khuẩn.

Ngày 19/2/2020, bị cáo gọi điện cho chị TH nói dối với là có hàng từ Trung Quốc về Việt Nam nhưng không có xe nếu muốn mua khẩu trang thì thuê luôn xe bên đó vận chuyển. Bị cáo báo giá 53.000đồng/50 cái khẩu trang (Bị cáo xem giá trên trang Web của Trung Quốc). Thấy giá rẻ hơn nhiều so với giá thị trường hiện tại nên chị TH đồng ý đặt mua. Đêm 19/2/2020, tại phòng 1, nhà A, chung cư B, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội, chị TH sử dụng Internet banking chuyển 25.440.000 đồng từ tài khoản số 19034178055014 tại Ngân hàng T của chị sang tài khoản số 0451000356816 Ngân hàng V của bị cáo để đặt mua khẩu trang. Hồi 14 giờ 30 phút ngày 20/2/2020, tại quán cà phê trên đường Trần Quốc Hoàn, Hà Nội, chị TH và bị cáo ký hợp đồng mua bán khẩu trang và chị TH chuyển khoản cho bị cáo thêm 24.500.000 đồng thỏa thuận ngày giao hàng là ngày 23/3/2020.

Ngày 22/2/2020, bị cáo đi xe khách đến cửa khẩu Tân Thanh, Lạng Sơn để mua khẩu trang thì biết vừa cấm biên nên không có khẩu trang, bị cáo lại quay về cửa khẩu Hữu Nghị. Tại đây, bị cáo dùng điện thoại quay video cảnh các xe container đang xếp hàng đi qua cửa khẩu gửi cho chị TH và nói là xe chở khẩu trang đang chuẩn bị qua cửa khẩu. Chị TH thấy thế tin tưởng nên muốn đặt thêm khẩu trang, bị cáo nói không chắc chắn mua được nhưng chị vẫn chủ động chuyển thêm cho bị cáo 10.000.000đồng. Đến ngày 23/02/2020, chị TH hỏi bị cáo về hàng bị cáo trả lời hàng đã ra nhưng phải mất tiền mới có hóa đơn nên chị TH chuyển tiếp cho bị cáo 5.800.000 đồng.

Cùng thời gian trên, bị cáo cũng dùng thủ đoạn trên, hứa hẹn bán khẩu trang cho chị Đinh TA và nhận của chị TA số tiền là 33 triệu đồng.

Sau khi nhận tiền của chị TA và chị TH, bị cáo không giao hàng như đã hẹn. Ngày 24/02/2020, bị cáo gặp chị TA xin khẩn ngày giao hàng và đưa cho chị TA chiếc xe máy Honda Lead BKS 29G1 – 46223, số khung RLHJF451XFY003400, số máy JF45E0506771 để làm tin. Đến ngày 25/02/2020 chị TH và chị TA cùng anh Đ tìm gặp bị cáo ở khu đô thị Goldmark City, phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, bị cáo vẫn nói sẽ có hàng, xin khẩn nợ và viết Bản tường trình với nội dung: Nhận tiền của chị TH và chị TA để mua khẩu trang, hứa đến ngày 26/2/2020 sẽ trả lại tiền cho chị TH và chị TA để làm tin. Do không tin tưởng nên chị TH, chị Hương và Đ vẫn không đồng ý. Bị cáo nói dẫn mọi người về gặp gia đình để giải quyết. Sau đó chị Hương ra về, còn chị TH và Đ đi cùng bị cáo đến địa chỉ số 1 ngõ 1, Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội nhưng không gặp được gia đình bị cáo. Lúc này bị cáo mới thừa nhận không có khẩu trang và đã sử dụng tiền của chị TH và chị TA để trả nợ.

Anh Đ nghe bị cáo trả lời như vậy rất tức giận nên đã nhặt chiếc ghế gỗ đập vào đầu bị cáo làm bị cáo bị chảy máu đầu. Sau đó anh Đ và chị TH báo Công an phường Khương Trung đến giải quyết. Tại kết luận giám định số 404 ngày 18/5/2020, Trung tâm pháp y Hà Nội kết luận về thương tích của bị cáo: *Các sẹo vết thương vùng đầu: 2%. Nhiều khả năng các thương tích do vật tày có cạnh gây lên. Tỷ lệ tổn hại sức khỏe 2%.* Bị cáo có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với hành vi gây thương tích của anh Đ. Anh Đ đồng ý với yêu cầu bồi thường của bị cáo là 15.000.000 đồng để bị cáo khắc phục một phần hậu quả cho chị TH. Ngày 05/8/2020, bị cáo có đơn xin rút yêu cầu khởi tố, xử lý về hình sự đối với anh Đ về việc anh Đ gây thương tích cho bị cáo. Ngày 07/8/2020, Viện kiểm

sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã ra quyết định đình chỉ vụ án đối với anh Đ về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại iphone 6 màu vàng của bị cáo; 01 xe Honda SH màu bạc, BKS 29L1 – 75809 thu của chị Nguyễn Thị H và 01 xe Honda Lead lắp BKS 29G1 – 46223 thu giữ của chị Đinh TA.

Về việc chị Nguyễn Thị H tố cáo bị cáo lừa đảo chiếm đoạt xe Honda SH mang BKS 29L1 – 00000 và xe ô tô Mazda CX5 mang BKS30F 00000 của chị, quá trình điều tra thể hiện: Tháng 10/2019, bị cáo mượn xe máy của chị H đi cầm cố để vay 50 triệu, sau đó bị cáo đã chuyển trả cho chị H 50 triệu để chị H chuộc xe. Chiếc xe Mazda CX5 là do chị H cầm cố lấy tiền cho bị cáo vay còn bị cáo chỉ vay 300 triệu của chị H chứ không mượn xe ô tô của chị H đi cầm cố. Việc bị cáo vay tiền của chị Hg là quan hệ dân sự, không có dấu hiệu của tội phạm. Cơ quan điều tra đã trao trả lại xe Honda SH màu bạc, BKS 29L1 – 75809 cho chị H.

Chiếc xe Honda Lead BKS 29G1 – 46223, số khung RLHJF451XFY003400, số máy JF45E050677, bị cáo khai là của một người bạn xã hội tên Hoàng Anh (Không rõ nhân thân) cho bị cáo để làm phương tiện đi lại, bị cáo đã đưa xe cho chị TA để làm tin. Qua tra cứu, chiếc BKS 29G1 – 4623 là của xe máy Honda Lead màu đỏ, số máy JF45E0349710, số khung RLHJF4508DY166888, có chủ sở hữu là Nguyễn D (Sinh năm 1992, HKTT: 17H30/32 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội), anh D đã chuyển đi nơi khác, không rõ nơi ở hiện tại. Số khung RLHJF451XFY003400, số máy JF45E050677 là của xe có biển số thật là 29L1 - 29491, có chủ sở hữu là Lê Thị X (Sinh năm 1987, HKTT: Tổ 1, phường L, quận Tây Hồ, Hà Nội). Ngày 23/02/2018, chị X để xe ở trước cửa nhà tại số 1 đường L thì bị mất và chị đã đến Công an phường L trình báo. Cơ quan điều tra đã quyết định tách rút tài liệu liên quan đến chiếc xe này, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tây Hồ giải quyết theo thẩm quyền.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 27/7/2020, chị Trần Thị TH đã nhận được 15.000.000 đồng tiền bồi thường của bị cáo từ anh Đ. Chị Trần Thị TH yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp 50.740.000 đồng, chị Đinh TA yêu cầu bị cáo bồi thường 33.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 214/CT-VKS, ngày 11/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm đã truy tố bị cáo Phạm Văn A về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn A mức án từ 30 đến 36 tháng tù; Về dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho chị Trần Thị TH 50.740.000 đồng, chị Đinh TA 33.000.000 đồng; Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động Iphone màu vàng đã qua sử dụng.

Căn cứ vào các tài liệu và chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định: Khoảng tháng 2/2020, bị cáo Phạm Văn A đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không có thật về việc có khẩu trang kháng khuẩn bán để chiếm đoạt số tiền 65.740.000 đồng của chị Trần Thị TH và 33.000.000 đồng của chị Đinh TA. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt áp dụng đối với bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi nên bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục một phần hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người bị hại nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội, tính chất tội phạm, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tính giáo dục và phòng ngừa chung.

Về dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của chị TH số tiền 65.740.000 đồng, chị TA 33.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường cho chị TH 15.000.000 đồng, chị TH yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp 50.740.000 đồng. Chị TA yêu cầu bị cáo bồi thường 33.000.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của những người bị hại là có căn cứ, cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải bồi thường cho họ.

Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động Iphone màu vàng đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo, liên quan đến tội phạm, cần tịch thu sung quỹ.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ở các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, cơ quan điều tra, điều tra viên, cơ quan kiểm sát, kiểm sát viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự về các quyền nghĩa vụ của mình, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn, khởi tố, kết luận điều tra, truy tố bị cáo theo đúng tội danh, khung hình phạt.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.**

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự

**Xử phạt bị cáo Phạm Văn A 33 (Ba mươi ba) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2020.

3. Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2018/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

**3.1.** Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Trần Thị TH 50.740.000 đồng, cho chị Đinh TA 33.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên của chị TH, chị TA, nếu bị cáo không thi hành thì phải chịu một khoản tiền lãi bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**3.2.** Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung quỹ chiếc điện thoại di động Iphone màu vàng đã qua sử dụng (Chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/8/2020 giữa Chi cục Thi hành án dân sự và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm)

**3.3.** Về án phí và quyền kháng cáo:

- Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.187.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; Người bị hại;
- VKS ND Q. Bắc Từ Liêm;
- VKSND; TAND TP Hà Nội;
- Công an Q. Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q. Bắc Từ Liêm;
- Sở Tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu HS – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thanh Loan**